

Số: 22 /2022/QĐST-HNGĐ

Sơn Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L., sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T., sinh năm 1986

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng C. – Phòng giao dịch S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Trưởng phòng giao dịch.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L. và anh Nguyễn Văn T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 16/9/2015 cho chị Nguyễn Thị L. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Ngân Th, sinh ngày 09/02/2019 cho anh Nguyễn Văn T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Các đương sự đã tự thỏa thuận phân chia tài sản, công nợ chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong Quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, cụ thể như sau:

+ Tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T. được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe ô tô FORD RANGER, biển số đăng ký 22C-076.50, mang tên đăng ký Nguyễn Văn T..

Anh Nguyễn Văn T. có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L. số tiền chênh lệch tài sản (đối với xe ô tô) là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị L. được quyền sở hữu, sử dụng số tiền chênh lệch tài sản do anh T. trả là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và không có quyền, nghĩa vụ gì đối với chiếc xe ô tô FORD RANGER, biển số đăng ký 22C-076.50, mang tên đăng ký Nguyễn Văn T. .

Khoản tiền phải trả, kể từ ngày chị L. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu anh T. chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

+ Công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T. có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng C. – Phòng giao dịch S. số tiền 377.713.000 đồng (ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 375.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 13/01/2022 là 2.713.000 đồng. Anh T. còn phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng số 116/2021-HĐCV/NHCT174-PSD ngày 19/3/2021 đã ký giữa ngân hàng với anh Nguyễn Văn T. chị Nguyễn Thị L. từ ngày 14/01/2022 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên.

Chị Nguyễn Thị L. không phải chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ Ngân hàng trên.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L. phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001894 ngày 13/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị L. còn được nhận lại số tiền chênh lệch 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn T. không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T. (nơi ĐKKH)
- UBND xã C (nơi ĐKHKT);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến